

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày: 29-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức

Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 27/11/2002, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: Tổ F, đường D, khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Hồng C; chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần (ngày 18/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng, đến ngày 26/02/2023 chấp hành xong); Bị bắt tạm giữ ngày 28/9/2023, tạm giam ngày 01/10/2023, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Nguyễn Minh N**, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Tổ 06, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Lê Văn Vũ L**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Ngọc T2**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 07, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà **Nguyễn Thị Hồng C**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ F, đường D, khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người làm chứng: Chị **Nguyễn Thị Kim N1**, sinh ngày 27/8/2007. Nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: Số A, đường L, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 27/9/2023, Lê Văn T cùng bạn gái tên Lý Cẩm T3 đi đến nhà anh Nguyễn Minh N để chơi và nhậu tại nhà của anh N. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày anh N có để chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 hiệu Wave Alpha màu đỏ đen bạc bên mái hiên nhà rồi cùng T và T3 vào phòng ngủ.

Khoảng 04 giờ sáng ngày 28/9/2023, Trọng thức dậy thấy anh N vẫn còn đang ngủ nên T đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SamSung A10 màu đen của anh N đang sạc pin để trong phòng bỏ vào túi quần đang mặc rồi đi đến chỗ chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 245.94, thấy xe đã khóa cổ nên T dùng tay bẻ khóa cổ xe, bứt dây điện xe, dẫn xe ra ngoài sân rồi điều khiển xe mô tô vừa trộm được của anh N đi một đoạn đường thì ngã xe làm búng chắn gió và mũ ốp sườn xe bị bể, T điều khiển xe đến tiệm điện thoại di động (không rõ tên) ở khu vực gần cầu M rồi bán điện thoại di động vừa trộm được với số tiền 300.000 đồng, còn xe mô tô thì T sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 64K1-245.94 đến Cần Thơ gặp bạn tên Nguyễn Thị Kim N1 (cũng là bạn của anh N và T3), nhờ N1 cùng đi với T qua nhà anh N để rước T3 về thì N1 đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 chở N1 đến đầu đường vào nhà anh N thì T dừng xe lại và ở ngoài đường đợi, còn N1 đi bộ vào nhà anh N để tìm T3. Khi vào nhà gặp anh N thì N1 được anh N kể lại sự việc nghi ngờ T lấy trộm xe mô tô và điện thoại của mình nên N1 nói cho anh N biết T đang đậu xe ở ngoài đầu đường, anh N đi đến giữ T cùng xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 rồi giao cho Cơ quan Công an xử lý.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số: 32/KLĐGTS ngày 03/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B kết luận: 01 xe mô tô biển số 64K1 - 245.94, có giá trị 2.550.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu SamSung A10 màu đen, có giá trị 500.000 đồng. Tổng tài sản có giá trị chung là 3.050.000 đồng.

Qua điều tra, Lê Văn T đã thừa nhận hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô và điện thoại di động của anh N như nêu trên.

Xét thấy đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và ra Lệnh tạm giam để điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 là của chị Nguyễn Thị Ngọc T2 (vợ của anh Lê Văn Vũ L) đứng tên rồi chị T2 giao xe cho anh N quản lý

sử dụng (vì N làm thuê cho chị T2), đã được Cơ quan điều tra thu hồi về định giá và đã trả lại cho anh N.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 màu đen thu của T (là tài sản riêng của T), cần trả lại cho T.

Đối với chị Lý Cẩm T3, có trình bày trước đó bị T lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Sasung Galaxy A13 của T3 đem đi cầm với số tiền 1.500.000 đồng để tiêu xài, nhưng qua làm việc thì T khai nhận đã mượn điện thoại của T3 chứ không có lấy trộm. Hiện tại T3 không có mặt ở địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Minh N yêu cầu T bồi thường giá trị điện thoại di động hiệu SamSung A10 màu đen bị mất trộm đến nay chưa thu hồi được với số tiền là 500.000 đồng và chi phí sửa xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 bị hư hỏng là 1.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng C (mẹ T) đã bồi thường cho anh N số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền anh N đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng C đã bồi thường cho anh N thay cho T, bà C tự nguyện không yêu cầu T trả lại.

Tại cáo trạng số: 01/CT-VKSBT ngày 05/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm h, i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lê Văn T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Minh N yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị điện thoại di động hiệu SamSung A10 màu đen bị mất trộm không thu hồi được với số tiền 500.000 đồng và chi phí sửa xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 là 1.000.000 đồng. Bà Nguyễn

Thị Hồng C (mẹ bị cáo T) đã bồi thường cho anh N số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền anh N không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng C đã bồi thường cho anh N thay cho bị cáo T, bà C tự nguyện không yêu cầu bị cáo T trả lại, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà C.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 là của chị Nguyễn Thị Ngọc T2 (vợ của anh Lê Văn Vũ L) đứng tên rồi chị T2 giao cho anh N quản lý sử dụng (vì N làm thuê cho chị T2), đã được Cơ quan điều tra thu hồi về định giá và đã trả lại cho anh N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu đen thu của bị cáo T là tài sản riêng của bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn T khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Đối với số tiền 1.500.000 đồng bà C đã bồi thường cho anh N thay cho bị cáo T, bà C tự nguyện không yêu cầu bị cáo T trả lại. Bà C không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong vụ án, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh L và chị T2 đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 04 giờ sáng ngày 28/9/2023, tại nhà của anh Nguyễn Minh N ở tổ F, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Lê Văn T đã lợi dụng lúc anh N đang ngủ lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SamSung A10 màu đen và 01 xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 của anh N. Sau khi lấy trộm được tài sản bị cáo T đi đến tiệm điện thoại di động (không rõ tên) ở khu vực gần cầu M thuộc tỉnh Vĩnh Long rồi bán điện thoại di động vừa trộm được với số tiền 300.000 đồng, còn xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 thì bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, anh N phát hiện bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 nên anh N giữ bị cáo T cùng xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 lại rồi giao cho cơ quan Công an xử lý.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản: 01 xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 có giá trị 2.550.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu SamSung A10 màu đen có giá trị 500.000 đồng. Tổng tài sản có giá trị là 3.050.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long truy tố bị cáo Lê Văn T với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo Lê Văn T là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Bị cáo Lê Văn T là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, nhưng bị cáo lại lười lao động, chỉ thích hưởng thụ, vì lòng tham và lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại nên bị cáo đã lấy trộm 01 xe mô tô và 01 điện thoại của bị hại có tổng giá trị là 3.050.000 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân là có tiền để tiêu xài và có phương tiện để đi lại. Chính vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sau này và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; do đó, bị cáo Lê Văn T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện về kinh tế, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Minh N yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị điện thoại di động hiệu Samsung A10 màu đen bị mất trộm không thu hồi được với số tiền 500.000 đồng và chi phí sửa xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 là 1.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng C (mẹ bị cáo T) đã bồi thường cho anh N số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền anh N không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng C đã bồi thường cho anh N thay cho bị cáo T, bà C tự nguyện không yêu cầu bị cáo T trả lại, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà C.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 245.94 là của chị Nguyễn Thị Ngọc T2 (vợ của anh Lê Văn Vũ L) đứng tên rồi chị T2 giao xe cho anh N quản lý

sử dụng (vì N làm thuê cho chị T2), Cơ quan điều tra thu hồi về định giá và đã trả lại cho anh N, Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu S A10 thu của bị cáo T là tài sản riêng của bị cáo T, cần trả lại cho bị cáo T.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B có sao chép vào 01 đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung bị cáo Lê Văn T cần lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

[9] Đối với chị Lý Cẩm T3, có trình bày trước đó bị bị cáo T lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 của T3 đem đi cầm với số tiền 1.500.000 đồng để tiêu xài, nhưng qua làm việc thì bị cáo T khai nhận đã mượn điện thoại của T3 chứ không có lấy trộm. Hiện tại T3 không có mặt ở địa phương, cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2023.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Văn T.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng C không yêu cầu bị cáo Lê Văn T trả lại số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Trả lại bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu đen (đã qua sử dụng).

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung bị cáo Lê Văn T để làm chứng cứ.

(Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày

20/12/2023 giữa Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long với Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an H. Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Hùng